TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2022/DS-PT
Ngày 14-9-2022
V/v: "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Ửng.

Các Thẩm phán: Ông Bùi Danh Đại và ông Nguyễn Tài Sử.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thúy, là Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022, tại điểm cầu trung tâm Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông và điểm cầu thành phần Tòa án nhân dân huyện Cư Jút xét xử phúc thẩm trực tuyến công khai vụ án dân sự thụ lý số: 43/2022/TLPT-DS ngày 11 tháng 8 năm 2022 về việc *"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2022/DS-ST ngày 09 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 40/2022/QĐ-PT ngày 19 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Thân Trọng T.

Địa chỉ: Số 10 Y Ngông, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Hồ Ngọc D, Địa chỉ: Số 06 Ngô Quyền, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông – có mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị P.

Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Hà Văn G, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông – có mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Hà Văn G, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông – có mặt

Người phiên dịch (trợ thính) cho ông Hà Văn G tại phiên tòa: Ông Nông Văn T, sinh năm: 1969. Địa chỉ: Thôn 10, xã Đ, huyện C, tỉnh Đăk Nông – Có mặt.

- *Người kháng cáo:* Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Hà Văn G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Hồ Ngọc D trình bày:

Bà Nguyễn Thị P và ông Hà Văn G là khách hàng thường xuyên mua thức ăn chăn nuôi gia súc gia cầm của ông Thân Trọng T nên ông T tin tưởng cho bà P, ông G nợ tiền cám tính tới ngày 03/8/2019 là 92.025.000 đồng (Chín mươi hai triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Khi mua cám bà P có viết giấy chốt nợ nhưng không ghi rõ thời gian trả số nợ mà chỉ nói sau hai tháng sẽ trả cho ông T. Hết thời gian hai tháng, ông T có yêu cầu ông G, bà P trả số nợ tiền cám còn thiếu thì ông G, bà P không trả với lý do cám của ông T bán kém chất lượng và gia đình ông, bà hiện đang làm việc với cơ quan có thẩm quyền để xác định chất lượng cám mới trả tiền cho ông T. Tuy nhiên sau khi Đoàn Thanh tra tỉnh Đăk Nông có kết quả kiểm tra và tại biên bản làm việc không có bất kỳ văn bản nào về việc ông T phải chịu bồi thường thiệt hại cho ông G, bà P. Ngày 20/9/2019 ông T đã có thiện chí vào thu hồi và xử lý 50 bao cám đã hết hạn sử dụng nhưng ông G không hợp tác. Nhiều lần ông T đã yêu cầu ông G, bà P trả số nợ còn lại nhưng ông G, bà P vẫn không thực hiện.

Nay ông Thân Trọng T yêu cầu bà Nguyễn Thị P và ông Hà Văn G phải liên đới trả toàn bộ số tiền tính đến ngày xét xử 09/6/2022 là 117.994.000 đồng (Một trăm mười bảy triệu, chín trăm chín mươi bốn nghìn đồng); trong đó: nợ gốc 92.025.000 đồng (Chín mươi hai triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng) và nợ lãi 25.969.000 đồng (Hai mươi lăm triệu, chín trăm sáu mươi chín nghìn đồng); cụ thể cách tính lãi: 92.025.000 đồng x 0,83%/tháng x 34 tháng (tính từ 04/8/2019 đến 09/6/2022) = 25.969.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hà Văn G trình bày:

Khoảng tháng 3, tháng 4 năm 2019, gia đình ông G, bà P có nuôi gà, vịt, ngan, trong đó gà khoảng 1.500 con, vịt khoảng 700 con lớn, nhỏ, ngan khoảng 500 con. Sau đó ông bà được anh Bảo G thiệu mua cám của Công ty cổ phần dinh dưỡng quốc tế Ky Do JSC Group (địa chỉ: Km11, Quốc lộ 39, Nguyễn Lương Bằng, Hưng Yên). Cụ thể:

- Ngày 15/6/2019 ông G, bà P có mua của ông Thân Trọng T 200 bao cám, loại DK 24V x 275.000 đồng/bao = 55.000.000 đồng; 120 bao cám loại DK21V x 232.500 đồng/bao = 27.900.000 đồng.

- Ngày 24/6/2019 mua 32 bao cám loại DK23V x 195.000 đồng/bao = 6.240.000 đồng; 8 bao cám loại DK21V x 245.000 đồng/bao = 1.960.000 đồng; 4 bao cám loại DK11ST x 237.500 đồng/bao = 950.000 đồng.

- Ngày 30/6/2019 mua 10 bao cám x 295.000 đồng/bao = 2.950.000 đồng;

- Ngày 02/7/2019, ông G, bà P mua của ông T 120 bao cám, loại DK 23V x 192.500 đồng/bao = 23.400.000 đồng; 10 bao cám loại DK14V x 205.000 đồng/bao = 2.050.000 đồng; 10 bao cám loại DK14ST x 205.000 đồng/bao = 2.050.000 đồng; 20 bao cám loại DK11ST x 235.000 đồng/bao = 4.700.000 đồng; 25 bao cám loại DK24V x 285.000 đồng/bao = 7.125.000 đồng.

- Ngày 05/7/2019, ông G, bà P mua của ông T 40 bao cám, loại DK 23V x 192.500 đồng/bao = 7.700.000 đồng; 125 bao cám loại DK24V x 285.000 đồng/bao = 35.625.000 đồng;

- Ngày 13/7/2019, ông G, bà P mua của ông T 50 bao cám, loại DK 24V x 285.000 đồng/bao = 14.250.000 đồng; 10 bao cám loại DK21 x 232.500 đồng/bao = 2.325.000 đồng; 10 bao cám loại DK11ST x 235.000 đồng/bao = 2.350.000 đồng;

- Ngày 20/7/2019, ông G, bà P mua của ông T 30 bao cám, loại DK 21V x 232.500 đồng/bao = 6.975.000 đồng; 10 bao cám loại DK11ST x 235.000 đồng/bao = 2.350.000 đồng; 40 bao cám loại DK14ST x 205.000 đồng/bao = 8.200.000 đồng; 40 bao cám loại DK12ST x 237.500 đồng/bao = 9.500.000 đồng;

Tất cả hợp đồng mua bán là do bà Nguyễn Thị P đứng ra ghi chép giấy nợ, số tiền cám cụ thể ông G, bà P đã mua của ông T không nhớ cụ thể. Tuy nhiên thống nhất tính đến ngày 3/8/2019, ông G, bà P còn nợ ông T số tiền 92.025.000 đồng (Chín mươi hai triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đồng ý trả tiền cho nguyên đơn. Vì theo Thông báo của Thanh tra Sở Nông nghiệp tỉnh Đăk Nông thì chất lượng cám của ông T bán cho ông G, bà P là cám kém chất lượng, cám không đủ hàm lượng dinh dưỡng ghi trên bao bì sản phẩm. Do đó, ông G, bà P không đồng ý trả tiền cho ông T. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông Thân Trọng T phải bồi thường cho ông G, bà P 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) tiền cám giả làm thiệt hại vịt của ông G và 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) tiền tổn thất về tinh thần cho ông G.

Quá trình giải quyết vụ án, những người làm chứng ông Bế Văn Cường, bà Chế Thị Hoa, ông Nguyễn Văn Dược đều trình bày: Ông Bế Văn Cường có mua cám của ông G, bà P về cho gà, vịt ăn thì chậm bán hơn những lần trước; bà Chế Thị H hiện đang nợ tiền cám của ông G, bà P khoảng 23.000.000 đồng; ông Nguyễn Văn D mua cám của ông G về cho gà, vịt ăn vẫn lớn bình thường, còn chất lượng cám như thế nào ông D không biết.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2022/DS-ST ngày 09/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông đã căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 117, 119, 357, 430, 440 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

***Tuyên xử**: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Thân Trọng T.*

***1**. Buộc bà Nguyễn Thị P và ông Hà Văn G phải trả cho ông Thân Trọng T số tiền tính đến ngày 09/6/2022 là 117.994.000 đồng (Một trăm mười bảy triệu, chín trăm chín mươi bốn nghìn đồng); trong đó: nợ gốc 92.025.000 đồng (Chín*

mươi hai triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng) và nợ lãi 25.969.000 đồng (Hai mươi lăm triệu, chín trăm sáu mươi chín nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị P và ông Hà Văn G tiếp tục chịu lãi suất 0.83%/tháng kể từ ngày 10/6/2022 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ trả nợ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật bà Nguyễn Thị P và ông Hà Văn G không thực hiện nghĩa vụ trả tiền, ông Thân Trọng T có quyền yêu cầu thi hành án. Từ khi có đơn yêu cầu thi hành án thì áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 22 tháng 6 năm 2022, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị HĐXX tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà Nguyễn Thị P và ông Hà Văn G phải trả tiền mua phân bón cả gốc và lãi là 117.994.000 đồng và buộc ông Thân Trọng T phải bồi thường số tiền là 70.000.000 đồng tiền thiệt hại do vịt không lớn và 30.000.000 đồng tiền tổn thất về tinh thần và công chăm sóc.

Tại phiên tòa P thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Hà Văn G, giữ nguyên bản án sơ thẩm 06/2022/DS-ST ngày 09/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Hà Văn G làm trong hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ việc ông G kháng cáo với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn hay là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan hoặc là với tư cách cả bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng ngày 29/6/2022 ra thông báo nộp tạm ứng án phí phúc thẩm với số tiền 300.000 đồng là chưa cụ thể nên cần nêu ra để rút kinh nghiệm.

[2]. Xét nội dung giải quyết vụ án và yêu cầu kháng cáo của Nguyễn Thị P và ông Hà Văn G:

[2.1]. Về nội dung kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà Nguyễn Thị P và ông Hà Văn G phải trả tiền mua phân bón cả gốc và lãi là 117.994.000 đồng: Tài liệu chứng cứ thể hiện ông G, bà P thừa nhận ông bà có mua của ông Thân Trọng T thức ăn chăn nuôi gồm các loại DK 24V, DK21V, DK11ST, DK 23V, DK14ST của Công ty Cổ phần dinh dưỡng Quốc tế KIDO ISC GROUP mà ông Thân Trọng T là chủ đại lý

và ngày 03/8/2019 đã ký xác nhận nợ với ông T tổng số tiền mua thức ăn chăn nuôi chưa trả là 92.025.000 đồng. Tuy nhiên, ông G, bà P cho rằng cám kém chất lượng nên không chấp nhận trả nợ cho ông T, đồng thời gửi đơn kiến nghị gửi Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Đắk Nông đề nghị tiến hành kiểm tra chất lượng thức ăn chăn nuôi gồm hỗn hợp cao cấp cho vịt, ngan đẻ trứng thương phẩm, mã sản phẩm DK 24V và hỗn hợp cao cấp cho vịt, ngan siêu thịt từ 01 ngày xuất bán mã sản phẩm DK 23V của Công ty Cổ phần dinh dưỡng Quốc tế KIDO ISC GROUP. Ngày 25 tháng 9 năm 2019 Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Đắk Nông ban hành thông báo số 2239/SNN-TTr, kết luận cả hai sản phẩm thức ăn chăn nuôi đều kém chất lượng, cụ thể: mã sản phẩm **DK 24V** trên nhãn mác hàng hóa ghi hàm lượng protein thô 18%, kết quả phân tích hàm lượng protein thô 16.5% và mã sản phẩm **DK 23V** trên nhãn mác hàng hóa ghi hàm lượng protein thô 18 % kết quả phân tích hàm lượng protein thô 14,3 %.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 445 của Bộ luật dân sự thì: *"Bên bán phải bảo đảm vật bán phù hợp với sự mô tả trên bao bì, nhãn hiệu hàng hóa hoặc phù hợp với mẫu mà bên mua đã lựa chọn".* Như vậy, căn cứ vào kết quả giám định và thông báo nêu trên có căn cứ khẳng định thức ăn chăn nuôi do ông T bán cho ông G, bà P không đảm bảo chất lượng mô tả trên bao bì làm giảm giá trị sử dụng của vật đã mua nên trong trường hợp này bên bán phải giảm giá và bồi thường thiệt hại cho bên mua theo quy định tại khoản 1 Điều 445 của Bộ luật Dân sự. Theo nguyên tắc giảm giá tương ứng với giá trị % bị giảm sút. Vì số tiền nợ 92.025.000 đồng không ghi rõ số nợ của từng loại thức ăn nên HĐXX xác định theo tỷ lệ 50/50 (92.025.000 đồng : 2 = 46.012.500 đồng), theo đó xác định: Đối với mã sản phẩm DK 24V trên nhãn mác hàng hóa ghi hàm lượng protein thô 18%, kết quả phân tích hàm lượng protein thô 16.5% nên cần tính lại số tiền bị đơn phải trả là 46.012.500 đồng x 16.5% :18% = 42.178.000 đồng; Đối với mã sản phẩm DK 23V trên nhãn mác hàng hóa ghi hàm lượng protein thô 18 % kết quả phân tích hàm lượng protein thô 14,3% nên cần tính lại số tiền bị đơn phải trả: 46.012.500 đồng x 14,3 % :18% = 36.600.000 đồng, tổng số tiền gốc mà nguyên đơn phải trả cho bị đơn là 78.732.000 đồng.

Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét, đánh giá chứng cứ một cách toàn diện nội dung này nên đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán toàn bộ số nợ 92.025.000 đồng là không đúng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn.

[2.1.1]. Về lãi suất: Theo nội dung xác nhận nợ các bên thỏa thuận thời hạn thanh toán và trả lãi là hai tháng kể từ ngày 03/8/2019, tuy nhiên sau đó bên mua đã có đơn kiến nghị xem xét chất lượng sản phẩm nên thời gian chờ trả lời kiến nghị được trừ vào thời gian chậm thực hiện nghĩa vụ. Do vậy, căn cứ vào ngày Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Đắk Nông ra thông báo trả lời kiến nghị của ông T (ngày 25 tháng 9 năm 2019) để xác định ngày bắt đầu tính lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự là phù hợp. Cụ thể bị đơn phải chịu số tiền lãi suất chậm trả từ ngày 25/9/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 09/6/2022 là 02 năm 8 tháng 15 ngày, theo đó xác định được tiền lãi chậm trả là: (78.732.000 đồng x 10%/năm x 02 năm) + (78.732.000 đồng x 0.833%/tháng x 8 tháng) + (78.732.000 đồng x 0,0277%/ngày x 15 ngày) = 21.320.000 đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm tính lãi suất từ ngày 03/8/2019 mà không trừ thời gian nguyên đơn đã có đơn kiến nghị và đã được cơ quan có thẩm quyền thông báo chấp nhận kiến nghị là không đúng nên cần sửa lại thời gian tính lãi chậm trả cho phù hợp.

[2.2]. Về nội dung kháng cáo buộc ông Thân Trọng T phải bồi thường số tiền là 70.000.000 đồng tiền thiệt hại do vịt không lớn và 30.000.000 đồng tiền tổn thất về tinh thần và công chăm sóc: Quá trình giải quyết vụ án bị đơn có ý kiến phản tố yêu cầu nguyên đơn bồi thường thiệt hại do cám thức ăn gia súc kém chất lượng. Mặc dù, Tòa án cấp sơ thẩm đã ban hành thông báo về việc yêu cầu ông G, bà P thực hiện đúng thủ tục tố tụng phản tố của bị đơn nhưng vì có lý do nên ông G, bà P không làm đơn phản tố và cung cấp tài liệu chứng cứ để chưng minh thiệt hại nên cấp sơ thẩm đã nhận định bị đơn không thực hiện việc phản tố nên không đề cập giải quyết đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại là đúng. Do cấp sơ thẩm chưa thụ lý giải quyết nên nội dung kháng cáo này của bị đơn không được chấp nhận theo quy định tại Điều 270 và Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Từ phân tích và nhận định trên, có căn chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 06/2022/DS-ST ngày 09/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông cho đúng theo quy định của pháp luật.

[4]. Xét thấy quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Nông tại phiên tòa là không phù hợp nên không chấp nhận.

[5]. Về án phí: Do sửa bản án sơ thẩm nên Nguyễn Thị P và ông Hà Văn G không phải chịu án phí dân sự P thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị P và ông Hà Văn G, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 06/2022/DS-ST ngày 09/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

Áp dụng Điều 357, Điều 430, Điều 432, Điều 440, Điều 445 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Thân Trọng T.

Buộc bà Nguyễn Thị P và ông Hà Văn G phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Thân Trọng T số tiền 78.732.000 (bảy mươi tám triệu bảy trăm ba mươi hai nghìn) đồng và tiền lãi chậm trả là 21.320.000 (hai mươi mốt triệu ba trăm hai mươi nghìn) đồng. Tổng cộng là 100.052.000 (Một trăm triệu không trăm năm mươi hai nghìn) đồng.

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự tính lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị P và ông Hà Văn G phải chịu 5.003.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả ông Thân Trọng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.915.000 đồng (Hai triệu chín trăm mười lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0003217 ngày 28 tháng 12 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Jút, tỉnh Đăk Nông.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị P và ông Hà Văn G không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả lại ông Hà Văn G 300.000 (ba trăm nghìn)

đồng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003879 ngày 05/7/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Đăk Nông;
- TAND huyện Cư Jút;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: Tổ HCTP, TDS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký và đóng dấu

Nguyễn Anh Ửng